

Vận tải và giao nhận trong ngoại thương

Giảng viên: **ThS. Lê Minh Trâm**

Bộ môn Vận tải và Bảo hiểm

Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Đại học Ngoại Thương

1

Vận tải và giao nhận trong ngoại thương

Tên học phần: Vận tải và giao nhận trong Ngoại thương.

Số tín chỉ: 03

Học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Giao dịch TM quốc tế.

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Vận tải – Bảo hiểm,
Khoa Kinh tế và kinh doanh quốc tế.

2

Hình thức tổ chức dạy và học

Thời lượng học tập: 60 tiết (3 tín chỉ), trong đó:

- Trên lớp: 45 tiết (15 buổi)

+ Giảng viên giảng dạy lý thuyết, nêu vấn đề

+ Thảo luận tại lớp, làm việc nhóm

+ Làm bài tập thực hành tại lớp

+ Thuyết trình theo nhóm

- Tự học, tự nghiên cứu của SV: 15 tiết (đọc trước bài giảng, học nhóm, làm bài tập ở nhà, bài tập thực hành theo nhóm)

3

Đánh giá kết quả học tập

- Chuyên cần: 10% → đi học đầy đủ (điểm danh đủ 15 buổi)

- Đánh giá giữa kỳ: 30% → hoạt động nhóm (thiết kế slide + xây dựng tình huống và đóng vai thực hiện tình huống)

- Thi kết thúc học phần: 60% (vấn đáp)

4

Nguyên tắc thưởng điểm

+ Lớp trưởng: 0.5đ chuyên cần khi thực hiện tốt các nhiệm vụ GV giao phục vụ cho hoạt động của lớp

+ Nhóm trưởng: 1đ chuyên cần khi thực hiện tốt các nhiệm vụ GV giao phục vụ cho hoạt động của nhóm

+ SV thực hiện điều tra khảo sát theo mẫu: 1đ CC/phiếu (tối đa 1đ).

+ ý tưởng hay cho hoạt động nhóm: 0.5đ CC

+ tham gia tích cực vào bài giảng của GV trên lớp/ vào hoạt động của diễn đàn trên facebook: 0.5đ CC

+ Tối đa thưởng 2đ CC. Khi CC đạt 10 → chuyển sang thưởng GK, thưởng GK bằng ½ thưởng CC, tối đa thưởng 1đ GK.

5

Mục tiêu của học phần

• Kiến thức:

- những kiến thức cơ bản về phương tiện vận chuyển và giao nhận hàng hóa XNK bằng các phương thức vận tải.

- kiến thức về chứng từ dùng trong giao nhận vận chuyển hàng hóa XNK.

- hiểu biết cơ bản về các nguồn luật quốc tế, quốc gia điều chỉnh hoạt động giao nhận vận tải hàng hóa XNK theo các phương thức vận tải.

• Kỹ năng:

- Thuê và lưu cước cho hàng hóa trên các phương thức vận tải.

- Sử dụng được các chứng từ trong giao nhận vận tải.

- Kỹ năng giải quyết các tranh chấp phát sinh trong giao nhận vận tải.

6

Nội dung chính của môn học

Chương 1: Vận tải và buôn bán quốc tế
Chương 2: Chuyển chở hàng hoá XNK bằng đường biển
Chương 3: Chuyển chở hàng hoá XNK bằng container
Chương 4: Chuyển chở hàng hoá XNK bằng đường hàng không
Chương 5: Chuyển chở hàng hoá XNK bằng vận tải đa phương thức quốc tế
Chương 6: Chuyển chở hàng hoá XNK bằng vận tải đường sắt
Chương 7: Chuyển chở hàng hoá XNK bằng đường ô tô
Chương 8: Giao nhận hàng hoá XNK bằng đường biển
→ SV tự nghiên cứu chương 6,7,8

7

Tài liệu học tập

- Giáo trình Vận tải và giao nhận trong ngoại thương – GS. TS Hoàng Văn Châu
 - Các Công ước quốc tế về vận tải và hàng hải.
 - Luật trong nước về vận tải và hàng hải: Bộ luật Hàng hải Việt Nam – 2005, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam – 2006,
 - Tham khảo thêm
 - Vận chuyển hàng hoá XNK đường biển bằng container
 - Hướng dẫn sử dụng vận đơn đường biển trong thương mại và hàng hải quốc tế.
 - Tranh chấp và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thuê tàu chuyển.
- Sách của PGS. TS Nguyễn Như Tiến
- Incoterms 2010

8

CHƯƠNG I. VẬN TẢI VÀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ

1. *Khái quát chung về vận tải*
2. *Mối quan hệ giữa vận tải và buôn bán quốc tế*
3. *Phân chia trách nhiệm vận tải trong hợp đồng mua bán ngoại thương*

9

1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VẬN TẢI

- 1.1. Khái niệm và đặc điểm của vận tải
- 1.2. Phân loại vận tải

10

1.1. Khái niệm và đặc điểm của vận tải

❖ **Khái niệm:**

- Theo nghĩa rộng: Vận tải là một quy trình kỹ thuật nhằm di chuyển vị trí của con người và vật phẩm trong không gian.
- Theo nghĩa hẹp (dưới góc độ kinh tế), vận tải là sự di chuyển vị trí của hành khách và hàng hoá trong không gian khi thoả mãn đồng thời 2 tính chất:
 - là một hoạt động sản xuất vật chất;
 - là một hoạt động kinh tế độc lập.

11

1.1. Khái niệm và đặc điểm của vận tải

❖ **Đặc điểm của vận tải:**

- ✓ Là một ngành sản xuất vật chất của xã hội:
- Sức lao động: toàn bộ thể lực và trí lực của con người nhằm thực hiện việc di chuyển hàng hoá và hành khách từ địa điểm này đến địa điểm khác.
- Công cụ lao động (công cụ vận chuyển): các phương tiện, thiết bị, công cụ vận tải như đầu máy, toa xe, ô tô
- Đối tượng lao động (đối tượng vận chuyển): hàng hoá hay hành khách được vận chuyển

12

1.1. Khái niệm và đặc điểm của vận tải

❖ Đặc điểm của vận tải:

✓ Là ngành sản xuất vật chất đặc biệt của xã hội

- là một quá trình tác động làm thay đổi về mặt không gian của đối tượng chuyên chở
- không sáng tạo ra sản phẩm vật chất mới
- quá trình sản xuất và tiêu thụ không tách rời nhau
- sản phẩm vận tải có tính chất không đồng nhất, vô hình và không dự trữ được

13

1.2. Phân loại vận tải

- 1.2.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ
- 1.2.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động
- 1.2.3. Căn cứ vào môi trường và điều kiện sản xuất
- 1.2.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở
- 1.2.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở
- 1.2.6. Căn cứ vào cách thức tổ chức chuyên chở

14

1.2.1. Căn cứ vào phạm vi phục vụ

- **Vận tải nội bộ xí nghiệp:** việc vận chuyển trong nội bộ xí nghiệp, nhà máy, công ty... nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển nguyên nhiên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa hay cán bộ nhân viên phục vụ cho quá trình sản xuất vật chất của chính xí nghiệp, nhà máy, công ty đó.
- **Vận tải công cộng:** là một hoạt động sản xuất vật chất và là một hoạt động kinh tế độc lập, nó tạo ra sản phẩm riêng biệt phục vụ nhu cầu vận chuyển con người và vật phẩm của mọi đối tượng trong xã hội.

15

1.2.2. Căn cứ vào phạm vi hoạt động

- **Vận tải nội địa:** hoạt động vận tải hàng hóa và hành khách nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.
- **Vận tải quốc tế:** hoạt động vận tải hàng hóa và hành khách nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển giữa hai hay nhiều nước với nhau.
 - + **Vận tải quốc tế trực tiếp:** diễn ra giữa 2 hay nhiều nước có chung biên giới hoặc có chung vùng biển quốc tế
 - + **Vận tải quốc tế quá cảnh:** có sử dụng lãnh thổ của hai hay nhiều nước thứ ba

16

1.2.3. Căn cứ vào môi trường và điều kiện sản xuất

- **Vận tải đường bộ:** vận tải đường sắt, vận tải đường ô tô
- **Vận tải đường thủy:** vận tải đường biển, vận tải đường sông, vận tải pha sông biển
- **Vận tải đường không:** máy bay, khinh khí cầu, vũ trụ
- **Vận tải đường ống**

17

1.2.4. Căn cứ vào đối tượng chuyên chở

- **vận tải hàng hoá:** công cụ, phương tiện vận tải được sử dụng với mục đích duy nhất là chở hàng hóa
- **vận tải hành khách:** công cụ, phương tiện vận tải được sử dụng với mục đích duy nhất là chở hành khách
- **vận tải kết hợp hàng hoá-hành khách:** vừa vận chuyển hàng hóa, vừa vận chuyển hành khách cùng lúc

18

1.2.5. Căn cứ vào khoảng cách chuyên chở

- *vận tải đường gần*: trong phạm vi một thành phố/ tỉnh/ vùng nhất định
 - *vận tải đường xa*: giữa các tỉnh trong phạm vi quốc gia/ giữa các quốc gia khác nhau
- Đối với vận tải biển:
- vận tải cận dương: nhỏ hơn 4000 hải lý (7400 km)
 - vận tải viễn dương: lớn hơn 4000 hải lý
- 1 hải lý = 1852 m

19

1.3.6. Căn cứ vào cách thức tổ chức chuyên chở

- *Vận tải đơn phương thức* (Unimodal Transport)
- *Vận tải đa phương thức* (Multimodal Transport, intermodal transport, combined transport)
- *Vận tải đứt đoạn* (segmented transport)
- *Vận tải hàng lẻ* (LCL – less than container load)
- *Vận tải hàng nguyên* (FCL – full container load)

20

2. VẬN TẢI VÀ MUA BÁN QUỐC TẾ

- 2.1. Mối quan hệ giữa vận tải và mua bán quốc tế
- 2.2. Tác dụng của vận tải đối với mua bán quốc tế

21

2.1. Mối quan hệ giữa vận tải và buôn bán quốc tế

- *Vận tải quốc tế và buôn bán quốc tế là hai khâu không thể tách rời*
- *Gắn kết chặt chẽ thông qua mối quan hệ tương hỗ, tác động qua lại và thúc đẩy nhau cùng phát triển:*
 - *TMQT phát triển kéo theo VTQT phát triển*
 - *VTQT phát triển thúc đẩy TMQT phát triển*
- *VTQT là một mắt xích quan trọng trong kinh doanh quốc tế, là một bộ phận của hợp đồng mua bán ngoại thương*

22

2.2. Tác dụng của vận tải đối với mua bán quốc tế

- Cước phí vận tải ảnh hưởng đến giá hàng chào bán
 - Vận tải quốc tế làm thay đổi cơ cấu hàng hoá trong thương mại quốc tế
 - Vận tải quốc tế làm thay đổi cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu
 - Vận tải quốc tế ảnh hưởng trực tiếp đến cán cân thanh toán của một nước.
- VTQT là một yếu tố không thể tách rời của MBQT

23

3. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM VẬN TẢI TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG

- 3.1. Khái niệm trách nhiệm vận tải và quyền vận tải
- 3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải
- 3.3. Ý nghĩa của việc giành quyền vận tải

24

3.1. Khái niệm trách nhiệm vận tải và quyền vận tải

- Xét trên góc độ 1 HĐVT:
→ KN trách nhiệm vận tải: trách nhiệm vận chuyển hàng hoá của người chuyên chở từ nơi nhận hàng đến nơi giao hàng.
→ Trách nhiệm chính của người chuyên chở
- Xét trên góc độ 1 HĐXNK: trách nhiệm tổ chức và chịu chi phí đối với việc vận chuyển hàng từ kho đi ở nước xuất khẩu đến kho đích ở nước nhập khẩu
→ Trách nhiệm của người XK và/hoặc người NK
→ KN Quyền vận tải

25

3.1. Khái niệm trách nhiệm vận tải và quyền vận tải

- Quyền vận tải: quyền của một bên trong HĐMBQT mà theo đó bên này có trách nhiệm thanh toán trực tiếp toàn bộ hay một phần cước phí cho người chuyên chở và có trách nhiệm tổ chức việc chuyên chở hàng hoá trên toàn bộ hành trình hay trên từng chặng nhất định.
- Nếu hàng hoá XNK được chuyên chở bằng đường biển
→ “quyền thuê tàu”

26

3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải

- Dựa vào Incoterms (International Commercial Terms) của phòng thương mại quốc tế ICC (International Chamber of Commerce)

11 Điều kiện cơ sở giao hàng của Incoterms 2010			
EXW	Ex Works	FCA	Free carrier
FAS	Free Alongside Ship	FOB	Free On Board
CFR	Cost & Freight	CIF	Cost Insurance & Freight
CPT	Carriage Paid To	CIP	Carriage Insurance Paid To
DAT	Delivered At Terminal	DAP	Delivered At Place
DDP	Delivered Duty Paid To		

27

3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải

3.2.1. Căn cứ vào chặng vận tải chính:

- **Nhóm 1:** người NK giành được toàn quyền vận tải trên chặng vận tải chính

EXW: kể từ cơ sở của người bán

FCA: kể từ địa điểm chỉ định tại nước xuất khẩu

FAS: kể từ khi hàng đặt dọc mạn tàu tại cảng của nước XK

FOB: kể từ khi hàng đặt trên boong tàu tại cảng nước XK

28

3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải

3.2.1. Căn cứ vào chặng vận tải chính:

- **Nhóm 2:** người XK dành được quyền vận tải trên chặng vận tải chính

CFR: cho đến khi hàng được đặt trên boong tàu tại cảng đến

CIF: cho đến khi hàng được đặt trên boong tàu tại cảng đến

CPT, CIP, DAP, DDP:

→ cho đến một địa điểm chỉ định tại nước NK

DAT: cho đến khi hàng được dỡ khỏi phương tiện vận tải tại bến chỉ định tại nước NK

29

3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải

3.2.2. Căn cứ vào địa điểm di chuyển rủi ro và chi phí

- **Nhóm I:** di chuyển rủi ro và chi phí trước chặng VT chính

- EXW → tại cơ sở người bán

- FCA → 2 trường hợp:

+ FCA cơ sở người bán → trên xe tải tại cơ sở người bán

+ FCA điểm chỉ định khác → trên xe tải tại điểm chỉ định

- FAS → hàng đặt dọc mạn tàu tại cảng đi

- FOB → trên boong tàu tại cảng đi

30

3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải

3.2.2. Căn cứ vào địa điểm di chuyển rủi ro và chi phí

- Nhóm II: di chuyển rủi ro trước và chi phí sau chặng vận tải chính (nhóm C):
 - CFR và CIF:
 - + di chuyển RR: trên boong tàu tại cảng đi
 - + di chuyển CP: trên boong tàu tại cảng đến
 - CPT và CIP
 - + di chuyển RR: trên xe tải tại điểm chỉ định ở nước XK
 - + di chuyển CP: trên xe tải tại điểm chỉ định ở nước NK

31

3.2. Cơ sở phân chia quyền vận tải

3.2.2. Căn cứ vào địa điểm di chuyển rủi ro và chi phí

- Nhóm III: di chuyển rủi ro và chi phí sau chặng vận tải chính (nhóm D):
 - DAP và DDP → trên xe tải tại điểm đến quy định
 - DAT → tại bến chỉ định sau khi dỡ hàng
- Nhóm IV: di chuyển rủi ro và chi phí sau chặng VT chính → không có ĐKCSGH

32

3.3. Ý nghĩa của việc giành quyền vận tải

- Chủ động tổ chức hoạt động giao nhận vận tải hàng hóa (lựa chọn phương tiện chuyên chở, tuyến đường chuyên chở, tổ chức vận tải, chủ động đàm phán ký kết HĐVT...)
- Có điều kiện sử dụng các dịch vụ giao nhận vận tải trong nước từ đó tạo điều kiện cho ngành vận tải giao nhận trong nước phát triển
- Tăng thu và giảm chi ngoại tệ cho quốc gia

→ Tỷ lệ phân chia Quyền VT: nước XK/ nước NK/ nước thứ ba: 40/40/20 theo Liner Code 1974 (Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quy tắc làm việc của các Công hội tàu chợ - *United Nations convention on a code of conduct for lines conferences*)

33

3.3. Ý nghĩa của việc giành quyền vận tải

→ Các trường hợp không nên giành quyền vận tải:

- Trường hợp 1: khó thuê hoặc không thuê được phương tiện VT
- Trường hợp 2: Sự chênh lệch giữa giá FOB và giá CFR/CIF, giá FCA và giá CPT/CIP là không có lợi
- Trường hợp 3: quá cần bán hoặc quá cần mua một loại hàng nào đó
- Trường hợp 4: do luật pháp từng nước hay phong tục tập quán của cảng

34